

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2025/DS-PT

Ngày: 13-3-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hồng

*Các Thẩm phán:* Ông Tôn Văn Thông

Bà Nguyễn Thị Rên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Trung - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 619/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2024/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 252/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Bé C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; đại diện hộ kinh doanh Ú1.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phan Văn D, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971;

2. Bà Phạm Thị E, sinh năm 1972 (tên gọi khác: Lùng);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; có mặt.

*Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung án sơ thẩm,*

*Tại đơn khởi kiện, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2018, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng là nguyên đơn sẽ giao thức ăn chăn nuôi heo cho bị đơn. Theo thỏa thuận thì bị đơn sẽ thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi theo từng đợt khi bán heo (thông thường là từ bốn đến năm tháng). Bị đơn bán heo nhiều lần nhưng không thanh toán đủ tiền mua thức ăn chăn nuôi cho nguyên đơn. Tháng 02 năm 2021, nguyên đơn, bị đơn tổng kết nợ thì bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 265.844.000VNĐ (hai trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Đối với số tiền 95.500.000VNĐ (chín mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) ghi tại bản số 25 (ký hiệu khi Tòa án nhận chứng cứ, hiện nay là bút lục số 55) thì đó là số tiền mà bị đơn đã trả trước đó vào các ngày 15/5 (bản số 18), 25/6 (bản số 20), ngày 04/9 (bản số 22), tổng cộng ba lần trả là 93.500.000VNĐ (chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng nguyên đơn chấp nhận trừ đi số tiền 95.500.000VNĐ (chín mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) là do kể từ ngày 14/4 thì thức ăn tăng giá nên khi tính tiền thì nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn số tiền là 2.000.000VNĐ (hai triệu đồng) và cộng chung vào số tiền 93.500.000VNĐ (chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) nên mới ghi số tiền đã trả là 95.500.000VNĐ (chín mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay thì bị đơn không có trả cho nguyên đơn khoản tiền nào. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 265.844.000VNĐ (hai trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

*Tại bản tự khai và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị E trình bày:*

Khi chốt số nợ là 265.844.000VNĐ (hai trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) thì bà E (L) không có đối chiếu với sổ theo dõi việc mua bán thức ăn nên có sự nhầm lẫn, cụ thể là ở bản số 25 thì nguyên đơn chưa trừ số tiền 93.500.000 VNĐ (chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) mà bị đơn đã trả trước đó (trả nhiều lần), cùng ngày tính sổ của đợt này (bản số 25) thì bị đơn có trả cho nguyên đơn 95.500.000 VNĐ (chín mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng), sau đó có trả 90.000.000VNĐ (chín mươi triệu đồng) và sau khi chốt nợ vào tháng 02 năm 2021 thì bị đơn có trả cho nguyên đơn 15.000.000 VNĐ (mười lăm triệu đồng) nhưng không có ghi vào sổ, không có làm giấy tờ gì. Như vậy hiện nay bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền là: 157.344.000VNĐ (một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Chữ ký ghi họ tên Phạm Thị L vào ngày 10/02/2021 tại tờ giấy do nguyên đơn cung cấp là của bà Phạm Thị E.

Ngoài ra, khi mua thức ăn chăn nuôi heo từ ông Bé C thì ông Bé C có hứa là sẽ hỗ trợ cho bị đơn số tiền nuôi heo nái là 800.000VNĐ/một con heo nái/một năm nên bị đơn yêu cầu trừ số tiền này vào tổng số tiền nợ mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn, cụ thể được tính: 800.000VNĐ/một con heo nái/một năm x 12 con heo nái x 3 năm = 28.800.000VNĐ (hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2024/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã quyết định (tóm tắt):*

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Bé C - Đại diện hộ kinh doanh Ú1 số nợ gốc là 262.144.000 (hai trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng, ghi nhận việc ông Nguyễn Văn Bé C - Đại diện hộ kinh doanh Út C1 không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/11/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé C vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày do bị đơn không biết chữ nên nguyên đơn ghi số nợ thì bà E ký tên chứ thực tế không còn thiếu nhiều như vậy mà chỉ thiếu 127.700.000 đồng và nguyên đơn không cần trừ các số tiền đã trả và tiền nguyên đơn hứa hỗ trợ. Ông Đ và bà E đồng ý trả lại nguyên đơn số tiền 127.700.000 đồng, nếu không thì cho bị đơn xin trả dần. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn

Văn Đ và bà Phạm Thị E, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2024/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé C khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E yêu cầu trả số tiền nợ còn lại mua thức ăn chăn nuôi là 262.144.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Đ và bà E, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ông Đ, bà E thừa nhận có mua thức ăn của ông C như nguyên đơn trình bày. Đồng thời, bà E cũng thừa nhận có ghi tên xác nhận tại bản tổng kết nợ ngày 10/02/2021 có nội dung “*anh chị Ú còn thiếu tiền 265.844.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn*” có chữ đề tên “*Phạm Thị L*”, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định có giao dịch mua bán giữa ông C (đại diện Hộ kinh doanh Ú) với ông Đ, bà E. Ông C căn cứ bản tổng kết nợ ngày 10/02/2021 để yêu cầu ông Đ, bà E trả nợ.

Ông Đ và bà E cho rằng ông C hứa hỗ trợ cho bị đơn nuôi heo nái với số tiền là 28.800.000 đồng nhưng ông C không có thừa nhận hỗ trợ cho bị đơn số tiền này và bị đơn cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố nên không được chấp nhận.

[2.2] Tuy thống nhất việc có tổng kết nợ ngày 10/02/2021 vào ngày nhưng khi nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn không thống nhất việc tính tiền mua bán thức ăn trước đó tại bản số 25 và số tiền mà bị đơn cho rằng sau khi chốt nợ vào năm 2021 thì bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền là 15.000.000 đồng.

[2.2.1] Nguyên đơn cho rằng số tiền 95.500.000 ghi tại bản số 25 (ký hiệu khi Tòa án nhận chứng cứ, hiện nay là bút lục số 55) thì đó là số tiền mà bị đơn đã trả trước đó vào các ngày 15/5 (bản số 18), 25/6 (bản số 20), ngày 04/9 (bản số 22), tổng cộng ba lần trả là 93.500.000 đồng nhưng nguyên đơn chấp nhận trừ đi số tiền 95.500.000 đồng là do kể từ ngày 14/4 thì thức ăn tăng giá nên khi tính

tiền thì nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn số tiền là 2.000.000 đồng và cộng chung vào số tiền 93.500.000 đồng nên mới ghi số tiền đã trả là 95.500.000 đồng.

Bị đơn cho rằng trước ngày tính sổ của đợt này thì bị đơn có trả nhiều lần tiền và có ghi trong sổ từng lần trả, tổng cộng các lần trả là 93.500.000 đồng, cùng ngày tính sổ của đợt này (tại bản số 25) thì bị đơn có trả cho nguyên đơn 95.500.000 đồng, sau đó bị đơn có trả tiếp số tiền là 90.000.000 đồng và sau khi chốt tổng số nợ (năm 2021) thì bị đơn có trả cho nguyên đơn 15.000.000 đồng.

[2.2.2] Xét thấy quyền sở ghi chép việc giao nhận thức ăn chăn nuôi heo, việc trả tiền là do bị đơn giữ, quản lý và giao nộp cho Tòa án. Theo tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp thì tại Bản số 25 (bút lục số 55) có ghi nhận: Số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi heo giữa hai bên phát sinh từ bản số 16 đến bản số 25 là 233.345.000 đồng, số nợ cũ là 119.472.000 đồng; tổng nợ cũ và mới là 352.817.000 đồng; trừ đi số tiền 95.500.000 đồng) còn lại 257.317.000 đồng; tiếp đến ghi: 28/9 trả 90. 000.000 đồng còn lại 167.317.000 đồng.

Tại bản số 24 thể hiện ngày 28/9 nguyên đơn có giao thức ăn chăn nuôi heo cho bị đơn và tính tiền từng loại thức ăn đã giao sau đó chốt lại số tiền thức ăn như vừa nêu ở đoạn trên. Sau khi chốt lại số tiền còn nợ là 167.317.000 đồng tại bản số 25 thì bản số 26 có ghi ngày 28/9 nguyên đơn có tiếp tục giao thức ăn chăn nuôi cho bị đơn. Từ nội dung ghi nhận tại các bản số 24, 25, 26 như đã nêu có đủ căn cứ để xác định nội dung ghi nhận tại bản số 25 về việc tính tiền được thực hiện vào ngày 28/9. Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, bị đơn trình bày không thống nhất số tiền.

Ngoài lần tính tiền tại bản số 25 mà hiện nay các bên có tranh chấp về số tiền bị đơn trả cho nguyên thì sau đó hai bên còn nhiều lần tính tiền mua bán thức ăn chăn nuôi tại bản số 35 (bút lục số 60), 47 (bút lục số 66), 53 (bút lục số 69), 68 (bút lục số 77), 75 (bút lục số 81), 82, 84 nhưng bị đơn hoàn toàn không đề cập đến số tiền mà bị đơn cho rằng bị đơn đã trả nhưng nguyên đơn chưa trừ vào số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi heo.

Như vậy, ở mỗi lần tính tiền mua bán thức ăn của từng đợt thì nguyên đơn sẽ tính số tiền mới phát sinh trong kỳ giao thức ăn rồi cộng với số tiền nợ cũ mà bị đơn chưa trả, sau đó mới trừ đi số tiền mà bị đơn có trả cho nguyên đơn trước đó (trước ngày tính sổ nhưng trong đợt giao nhận thức ăn mà nguyên đơn có ghi trong sổ do bị đơn giữ), cuối cùng là trừ đi số tiền mà bị đơn có trả cho nguyên đơn vào ngày tính sổ của từng đợt; ngoài ra tại bản số 16 (lần tính tiền giữa nguyên đơn với bị đơn diễn ra trước thời gian tại bản số 25) cũng được thực hiện theo cách thức tương tự như đã nêu trên. Như vậy, vào ngày tính tiền tại bản số 25 bị đơn chỉ có trả cho nguyên đơn số tiền là 90.000.000 đồng chứ không phải là 95.500.000 đồng như bị đơn trình bày, số tiền 95.500.000 đồng ghi tại bản số

25 chính là số tiền 93.500.000 đồng mà bị đơn đã trả trước đó vào các ngày 15/5 (bản số 18), 25/6 (bản số 20), ngày 04/9 (bản số 22, tại bản số 22 cũng ghi nhận giá thức ăn lên 2.500VNĐ, trước đó thì tại bản số 20 có ghi nhận thức ăn tăng lên là 5.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng mà nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn khi thức ăn tăng giá.

[2.3] Nguyên đơn căn cứ vào bản tổng kết nợ để yêu cầu là có căn cứ. Đồng thời, nguyên đơn cho rằng số tiền 93.500.000 đồng là số tiền ghi 95.500.000 đồng tại bản tổng kết nợ là do tính số tiền giảm cho bị đơn (2.000.000 đồng) cộng chung với số tiền bị đơn trả trong kỳ (93.500.000 đồng) là phù hợp với kết quả ghi tổng cộng tại trang 35 của quyển 1 (sổ do bà E cung cấp), số tiền còn nợ lại khi tổng kết của lần này là 227.512.000 đồng và tiếp sau, nguyên đơn căn cứ vào số tiền 227.512.000 đồng tính đến ngày 10/02/2021 là phù hợp.

[2.4] Số tiền 3.700.000 đồng nguyên đơn thay đổi rút lại do tính nhầm của lần giao hàng ngày 28/9 và chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo còn nợ là 262.144.000 đồng là có căn cứ và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên ghi nhận. Do đó, số tiền ông Đ, bà E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 262.144.000 đồng.

[2.5] Do việc mua bán là nhằm phục vụ phát triển kinh tế gia đình, ông Đ và bà E đều thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc nghĩa vụ liên đới giữa ông Đ và bà E đối với số tiền này là phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé C là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ và bà E, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị

E.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2024/DS-ST ngày 29/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

1. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E (Lùng) có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Bé C - Đại diện hộ kinh doanh Ú1 số nợ gốc là 262.144.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn Bé C - Đại diện hộ kinh doanh Út C1 không yêu cầu trả tiền lãi.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Bé C - Đại diện hộ kinh doanh Út Chính số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 6.646.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004674 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị E (L) có nghĩa vụ liên đới nộp 13.107.000 đồng (mười ba triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị E và ông Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006634 và số 0006635 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc,

tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thế Hồng**